



TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH PHÚ THỌ

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

THÁNG 02 NĂM 2022

TỈNH PHÚ THỌ

PHÚ THỌ, 02 - 2022



TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

Tỉnh Phú Thọ



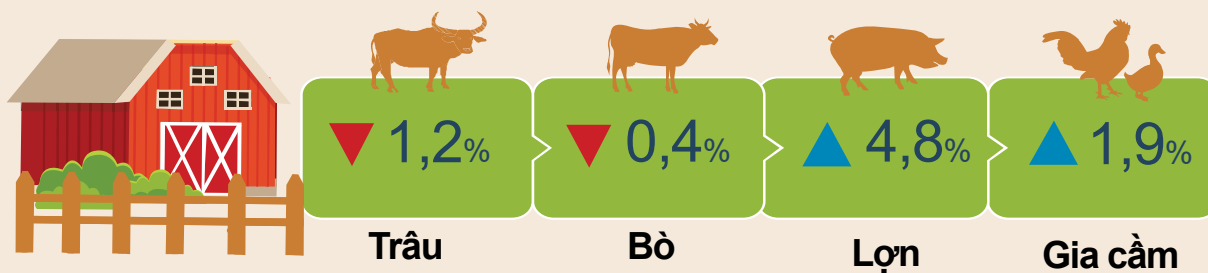
THÁNG 02 VÀ 2 THÁNG NĂM 2022

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

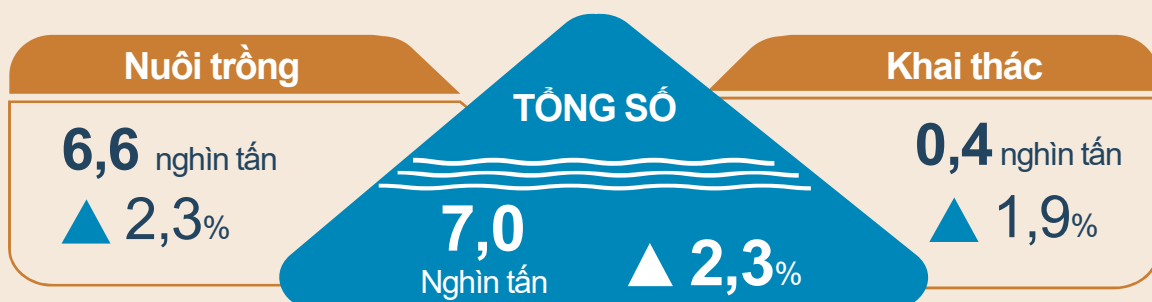
TRỒNG TRỌT tính đến 15/2/2022



CHĂN NUÔI đàn gia súc, gia cầm so với cùng thời điểm năm trước

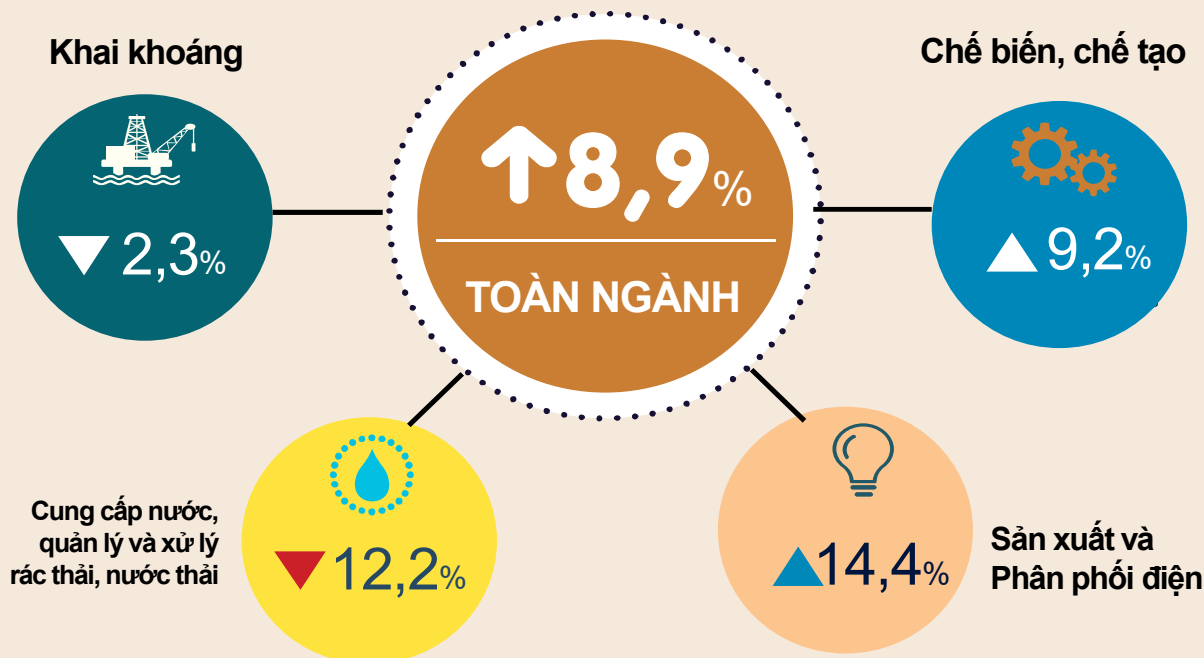


SẢN LƯỢNG THỦY SẢN 2 tháng năm 2022



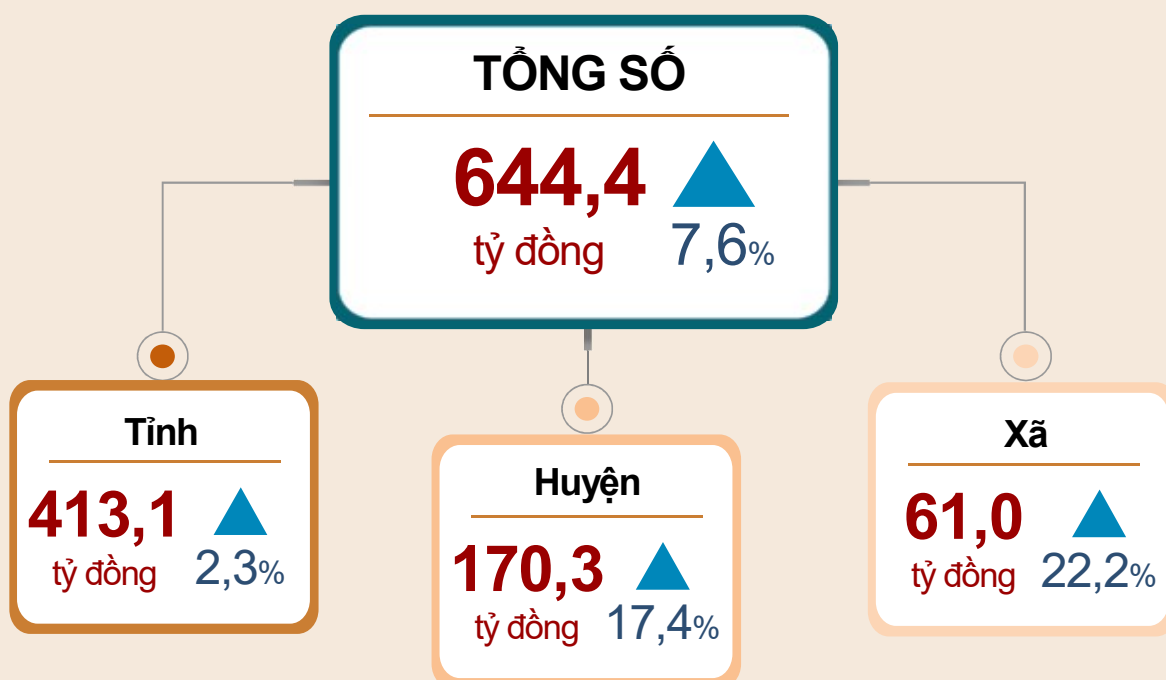
CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP (IIP)

IIP 2 tháng năm 2022 so với cùng kỳ

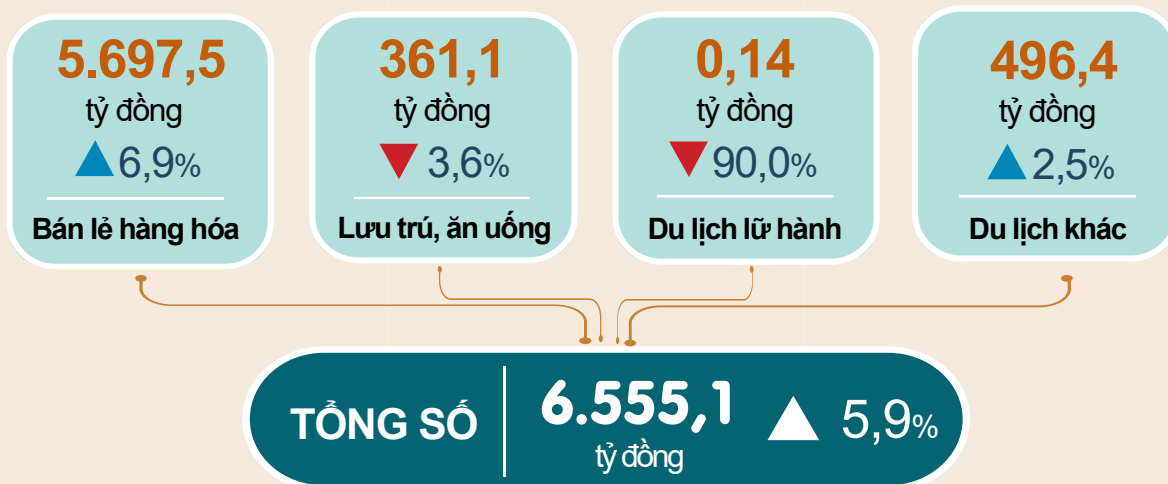


VỐN ĐẦU TƯ

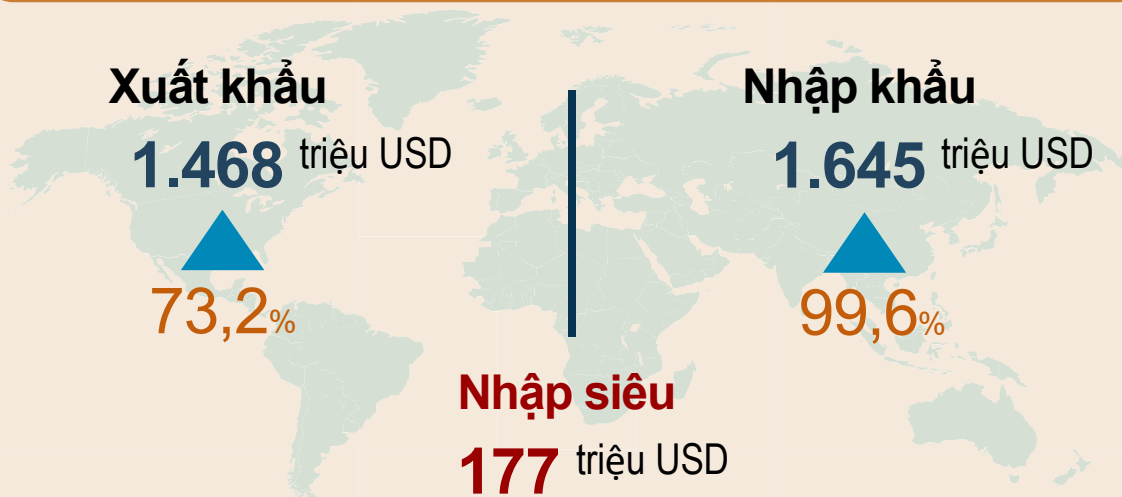
VỐN ĐẦU TƯ từ nguồn ngân sách nhà nước địa phương 2 tháng năm 2022



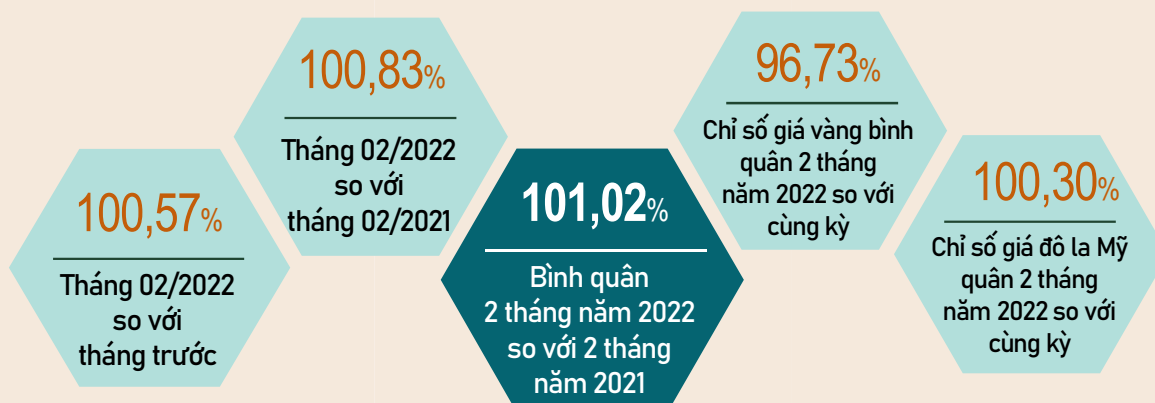
TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG 2 tháng năm 2022



XUẤT, NHẬP KHẨU 2 tháng năm 2022



CHỈ SỐ GIÁ



VẬN TẢI HÀNH KHÁCH VÀ HÀNG HÓA 2 tháng năm 2022

Vận tải hành khách

Vận chuyển

2,6
triệu lượt khách

▲
1,7%



▲
2,9%

Luân chuyển

158,1
triệu khách.km

Vận tải hàng hóa

Vận chuyển

▲
5,7%

7,2
triệu tấn



788,0
triệu tấn.km

Luân chuyển

▲
6,3%

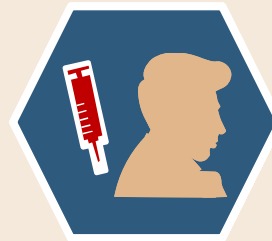
DỊCH COVID-19

Tính đến 7^h00
ngày 24/02/2022



33.061 ca mắc

Liều vaccin đã tiêm



Tính đến 18^h00
ngày 23/02/2022

593.476

người ≥ 18 tuổi đã được
tiêm mũi bổ sung/nhắc lại

996.854

người ≥ 18 tuổi đã
được tiêm đủ 02 mũi

TAI NẠN GIAO THÔNG

Tính từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/02/2022

Số vụ tai nạn và va chạm

7

▼ 2 vụ

Số người chết

9

▲ 3 người

Số người bị thương

3

▼ 2 người

Số: /BC-CTK

Phú Thọ, ngày tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tháng 02 năm 2022

Tình hình kinh tế - xã hội tháng 2 năm 2022 trên địa bàn tỉnh diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước đang phục hồi; tuy nhiên, dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh có diễn biến khá phức tạp; giá cả hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu tăng cao đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống của Nhân dân trên địa bàn. Với sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, cùng với sự triển khai thực hiện đồng bộ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/1/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; kinh tế trên địa bàn tỉnh cơ bản phát triển ổn định, đời sống của đại bộ phận Nhân dân vẫn được đảm bảo.

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tháng diễn ra trong điều kiện thời tiết rét đậm, rét hại kéo dài, tuy nhiên sản xuất vụ đông xuân vẫn cơ bản bám sát khung lịch thời vụ, đảm bảo tiến độ; dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm được kiểm soát chặt chẽ; sản lượng thịt gia súc, gia cầm hơi xuất chuồng đảm bảo phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trong dịp tết Nguyên đán.

Thu hoạch cây trồng vụ đông: Sơ bộ diện tích ngô đông thu hoạch toàn tỉnh ước đạt 7.108,3 ha, tăng 6,7% so với cùng kỳ; diện tích khoai lang thu hoạch ước đạt 398,1 ha; rau xanh các loại thu hoạch ước đạt 5.834,4 ha, đỗ tương thu hoạch ước đạt 13,8 ha; đỗ đậu các loại thu hoạch ước đạt 15,4 ha; lạc thu hoạch ước đạt 30,4 ha;... Đánh giá sơ bộ năng suất một số cây trồng vụ đông năm nay tiếp tục đạt khá, cụ thể: năng suất cây ngô vụ đông ước đạt 48,55 tạ/ha, tăng 0,04% so với cùng kỳ năm trước; cây rau xanh các loại năng suất ước đạt 168,48 tạ/ha, tăng 0,02%;...

Gieo trồng vụ chiêm xuân 2022: Diện tích lúa gieo cấy dự kiến đến hết tháng 2/2022 sẽ cơ bản hoàn thành, đến nay ước đạt 34.393 ha, tăng 5,8% (+1.873 ha) so với cùng kỳ năm trước; diện tích ngô xuân gieo trồng ước đạt 3.741,4 ha, tăng 16,8% (+539,3 ha); diện tích khoai lang gieo trồng ước đạt

143,8 ha, giảm 16,3% (-28 ha); diện tích lạc gieo trồng ước đạt 1.613,5 ha, giảm 2,1% (-32,7 ha); diện tích rau xanh các loại ước đạt 2.976,2 ha, giảm 12,4% (-421,9 ha);...

Hoạt động chăn nuôi duy trì ổn định, không xuất hiện dịch bệnh nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm. Dự ước, tổng đàn trâu trên địa bàn tỉnh đạt 56,0 ngàn con giảm 1,2% (-705 con) so với cùng kỳ; tổng đàn bò 105,1 ngàn con giảm 0,4% (-422 con); tổng đàn lợn ước đạt 685,1 ngàn con tăng 4,8% (+31.356 con); tổng đàn gia cầm ước đạt 16.045,5 nghìn con tăng 1,88% (+295,4 nghìn con).

Trong tháng, các đơn vị sản xuất lâm nghiệp chủ yếu tập trung khai thác rừng đã đến tuổi thu hoạch, trồng rừng theo kế hoạch. Diện tích rừng trồng mới toàn tỉnh ước đạt 1.342,9 ha, tăng gấp gần 3 lần so với cùng kỳ năm trước; sản lượng gỗ khai thác cộng dồn từ đầu kỳ ước đạt 109,2 ngàn m³, tăng 1,4%, riêng sản lượng gỗ khai thác trong tháng ước đạt 48,6 ngàn m³; sản lượng củi khai thác ước đạt 11,9 ngàn ste, riêng sản lượng khai thác trong tháng ước đạt 5,6 ngàn ste. Trong kỳ, trên địa bàn tỉnh không có vụ cháy rừng nào xảy ra.

Hoạt động nuôi trồng thủy sản duy trì ổn định, diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản ước đạt 8,0 ngàn ha; sản lượng thủy sản tính từ đầu năm ước đạt 7,0 nghìn tấn, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm trước.

2. Sản xuất công nghiệp (IIP)

Thời gian nghỉ Tết Nguyên đán kéo dài cùng với diễn biến ngày càng phức tạp của dịch bệnh với số ca nhiễm ở mức cao đã ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất công nghiệp, so với tháng trước IIP giảm tới 22,66%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 02 năm 2022 giảm mạnh so với tháng trước, trong đó ngành công nghiệp khai khoáng giảm 38,28%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 22,79%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 10,14%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 17,18%. So với tháng cùng kỳ năm trước, IIP tháng 02/2022 tăng 8,65%, tăng chủ yếu từ nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (tăng 9,30%).

Sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo giảm so với tháng 01/2022 ở tất cả các nhóm ngành được thống kê thường xuyên, gồm: sản xuất đồ uống giảm 78,84%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị giảm 61,77%; sản xuất thiết bị điện giảm 60,63%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 54,27%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 50,24%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế),.. giảm 41,52%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 36,65%; in, sao chép bản ghi các loại

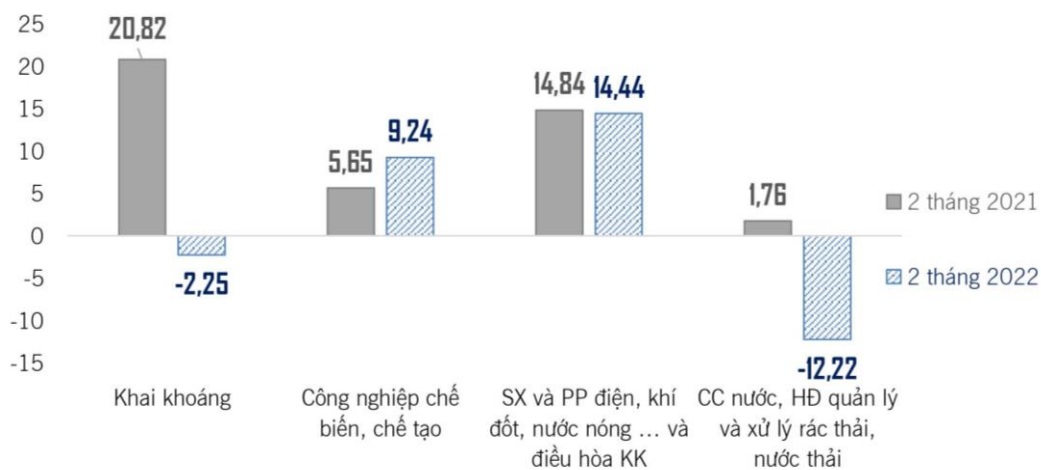
giảm 35,9%; sản xuất xe có động cơ giảm 28,31%; sản xuất trang phục giảm 26,97%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học giảm 23,07%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (*trừ máy móc, thiết bị*) giảm 20,82%; dệt giảm 19,94%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 10,81%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy giảm 7,54%; sản xuất chế biến thực phẩm giảm 6,53%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất giảm 2,56%;...

So với tháng cùng kỳ năm trước, sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo tăng nhờ các nhóm ngành sản phẩm sau: In, sao chép bản ghi các loại tăng 185,71%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 160,94%; sản xuất xe có động cơ tăng 59,55%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 30,23%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 28,67%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 10,2%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (*trừ máy móc, thiết bị*) tăng 8,97%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 8,26%; sản xuất trang phục tăng 6,76%; dệt tăng 5,66%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 2,16%;

Tính chung 2 tháng, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 8,85% so với cùng kỳ, trong đó: Nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,24%; nhóm ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng và điều hòa không khí tăng 14,44%; nhóm ngành khai khoáng giảm 2,25%; nhóm ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 12,22%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 02/2022 tăng so với cùng kỳ bao gồm: Gạch lát (*tăng 67,28%*); sản phẩm bằng plastic (*tăng 12,36%*); nước máy (*tăng 11,88%*); giấy và bì các loại (*tăng 11,73%*); phân supe photphat (*tăng 7,26%*); sợi toàn bộ (*tăng 5,56%*); vải thành phẩm (*tăng 2,83%*); mỳ chính (*tăng 2,77%*); quần áo may sẵn (*tăng 0,71%*);...

Chỉ số sản xuất công nghiệp 2 tháng năm 2022 so với cùng kỳ (%)



Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tháng 02 năm 2022 tăng 1,75% so với cùng kỳ năm trước, trong đó lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước giảm 7,53%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước giảm 25,28%; doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 9,38%. Tại thời điểm trên, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo tăng 1,51% so với cùng thời điểm năm trước; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 2,91%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 36,30%.

3. Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn nhà nước do địa phương quản lý

Mặc dù là tháng có kỳ nghỉ Tết nguyên đán, nhưng với sự điều hành quyết liệt của Trung ương, cấp ủy, chính quyền địa phương và sự quyết tâm của các nhà thầu thi công nên tiến độ thi công của các công trình sử dụng nguồn vốn nhà nước vẫn được đảm bảo và đẩy nhanh thực hiện.

Tổng giá trị vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn nhà nước do địa phương quản lý trong tháng ước đạt 311,0 tỷ đồng, tăng 12,3% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó: nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh ước đạt 200,9 tỷ đồng, tăng 6,6%; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện ước đạt 82,9 tỷ đồng, tăng 23,1%; vốn ngân sách nhà nước cấp xã ước đạt 27,2 tỷ đồng, tăng 29,5%;...

Một số công trình có giá trị đầu tư đạt khá trong tháng gồm: Dự án cải tạo, gia cố và nâng cấp đường Âu Cơ ước đạt 36,3 tỷ đồng; dự án đầu tư xây dựng trường THPT chuyên Hùng Vương ước đạt 10 tỷ đồng; dự án đường giao thông liên vùng kết nối đường Hồ Chí Minh với QL70B, QL.32C tỉnh Phú Thọ đi tỉnh Yên Bái ước đạt 9,3 tỷ đồng; nhà luyện tập TDTT và một số hạng mục phụ trợ khu du lịch Văn Lang, thành phố Việt Trì ước đạt 9 tỷ đồng; công trình nhà làm việc thành ủy Việt Trì ước đạt 6 tỷ đồng; dự án thành phần sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Phú Thọ, thuộc dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập sử dụng nguồn vốn vay WB (WB8) ước đạt 3,8 tỷ đồng; công trình đường nối từ đường Hồ Chí Minh đến đường tỉnh 320C ước đạt 3,2 tỷ đồng; dự án xây dựng hệ thống đường ống nối tiếp từ công trình đập ngòi Lao để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Cẩm Khê ước đạt 3,1 tỷ đồng; cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu ngòi Hiêng, huyện Hạ Hòa ước đạt 3,1 tỷ đồng;...

Sau 2 tháng, tổng giá trị vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 644,4 tỷ đồng, tăng 7,6% so với cùng kỳ. Trong

đó: nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh ước đạt 413,1 tỷ đồng, tăng 2,3%; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện ước đạt 170,3 tỷ đồng, tăng 17,4%;...

4. Thương mại, dịch vụ, giá cả

Thị trường hàng hóa trên địa bàn tỉnh dồi dào, chủng loại, mẫu mã đa dạng, phong phú đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022 của nhân dân;... Tuy nhiên, dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, trong kỳ vào dịp nghỉ Tết Nguyên đán; cùng với ảnh hưởng do giá xăng dầu có biến động tăng mạnh, đạt đỉnh trong vòng 7 năm qua, đã làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại, dịch vụ bị hạn chế, tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng chỉ tăng nhẹ 2,0% so với tháng trước.

a) Bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 2/2022 ước đạt 3.198,3 tỷ đồng, tăng 5,3% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu bán lẻ ước đạt 2.764,8 tỷ đồng, chiếm 86,4% tổng mức, tăng 5,4%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 184,8 tỷ đồng, chiếm 5,8% tổng mức, tăng 2,8%; doanh thu dịch vụ và du lịch ước đạt 248,7 tỷ đồng, chiếm 7,8% tổng mức, tăng 6,4% so với cùng kỳ;...

Doanh thu bán lẻ trong tháng tăng so với cùng kỳ tập trung ở các nhóm hàng: Đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 15,7%; hàng hoá khác tăng 14,9%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 14,3%; hàng may mặc tăng 13,6%; vật phẩm, văn hoá, giáo dục tăng 13,1%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm từ đá quý, kim loại quý tăng 11,3%; nhiên liệu khác (*trừ xăng dầu*) tăng 8,8%; lương thực, thực phẩm tăng 6,6%; xăng, dầu các loại tăng 4,1%; doanh thu dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác tăng 3,9%;...

Tính chung 2 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 6.555,1 tỷ đồng, tăng 5,9% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu bán lẻ ước đạt 5.697,5 tỷ đồng, chiếm 86,9% tổng mức, tăng 6,9%;...

b) Xuất, nhập khẩu¹

Tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa tháng 2/2022 ước đạt 674,7 triệu USD, giảm 15,0% so với tháng trước; tổng giá trị nhập khẩu hàng hóa ước đạt 755,8 triệu USD, giảm 15,0%. Tính chung 2 tháng, xuất khẩu ước đạt 1.468,5 triệu USD, tăng 73,2% so với cùng kỳ; nhập khẩu ước đạt 1.645 triệu USD, tăng 99,6% so với cùng kỳ.

¹ Nguồn: Chi cục Hải Quan.

	Tháng 02/2022		2 tháng/2022	
	Giá trị (Tr.USD)	So với tháng trước (%)	Giá trị (Tr.USD)	So với cùng kỳ (%)
Xuất khẩu	674,7	85,0	1.468,5	173,2
Nhập khẩu	755,8	85,0	1.645,0	199,6

c) Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

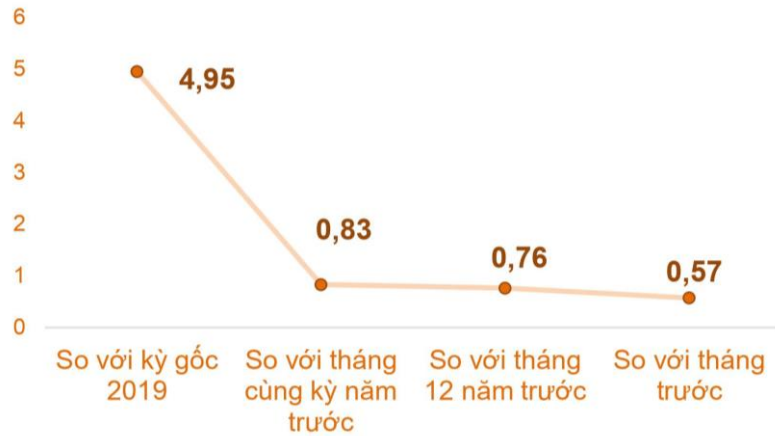
Trước sự ảnh hưởng của đà phục hồi kinh tế, dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp và nhất là ảnh hưởng từ giá xăng, dầu tăng liên tục đã làm cho CPI tháng 02/2022 tăng 0,57% so với tháng trước, tăng 0,76% so với tháng 12 năm trước (sau 2 tháng), tăng 0,83% so với tháng cùng kỳ (sau 12 tháng).

Các nhóm hàng làm tăng chỉ số CPI tháng này so với tháng trước bao gồm: Giao thông tăng 2,32% (*nhiên liệu tăng 5,41%; dịch vụ giao thông công cộng tăng 2,24%*); hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,95% (*lương thực tăng 1,23%; thực phẩm tăng 1,25%*); nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,56% (*nhà ở tăng 0,40%; vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,12% ; dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 0,58%; nước sinh hoạt và dịch vụ khác liên quan đến nhà ở tăng 0,14%; điện và dịch vụ điện tăng 0,21%; gas và các loại chất đốt khác tăng 3,34%*); thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,12%; hàng hoá và dịch vụ khác tăng 0,1%; giáo dục tăng 0,06%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,05%; văn hoá, giải trí và du lịch tăng 0,04%;... Các nhóm còn lại giữ ổn định là bưu chính viễn thông và giáo dục, giảm so với tháng trước gồm: Đồ uống và thuốc lá giảm 0,94%; may mặc, mũ nón, giày dép giảm 0,29%;...

Chỉ số giá Vàng tháng 02/2022 so với tháng trước tăng 2,53%, giá bán bình quân trong tháng 5.394 ngàn đồng/chỉ. Chỉ số giá Đô la Mỹ tăng 0,21% so với tháng trước, giá bán bình quân trong tháng 23.590 VNĐ/USD.

CPI bình quân 2 tháng năm 2022 tăng 1,02% so với cùng kỳ, nguyên nhân do tác động chủ yếu từ các nhóm: Giao thông tăng 14,82%; đồ uống và thuốc lá tăng 2,46%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 1,25%; hàng hoá và dịch vụ khác tăng 1,12%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,89%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,6%; giáo dục tăng 0,58%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,51%;...

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 2 (%)



d) Vận tải hàng hoá và hành khách

Tổng doanh thu vận tải tháng 2/2022 ước đạt 446,7 tỷ đồng, tăng 12,9% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 341,4 tỷ đồng, tăng 13,1%; doanh thu vận tải hành khách ước đạt 60,6 tỷ đồng, tăng 15,1%; doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 44,7 tỷ đồng, tăng 8,6%;...

Sản lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 3,6 triệu tấn, tăng 11,2% so với cùng kỳ; sản lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt 396,9 triệu tấn.km, tăng 11,8%. Sản lượng hành khách vận chuyển ước đạt 1,3 triệu hành khách, tăng 13,4% so với cùng kỳ; sản lượng hành khách luân chuyển ước đạt 79,4 triệu hành khách.km, tăng 14,9%.

Tính chung 2 tháng, sản lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 7,2 triệu tấn, tăng 5,7%; sản lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt 788,0 triệu tấn.km, tăng 6,3%. Sản lượng hành khách vận chuyển ước đạt 2,6 triệu hành khách, tăng 1,7%; sản lượng hành khách luân chuyển ước đạt 158,1 triệu hành khách.km, tăng 2,9%.

5. Một số vấn đề xã hội

a) Tình hình chăm lo Tết cho Nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội, chăm lo Tết cho người nghèo, các đối tượng chính sách, bảo trợ xã hội được quan tâm, hỗ trợ kịp thời. Tính đến 04/02/2022 các ngành, các cấp trong tỉnh đã tổ chức hỗ trợ, tặng 110.785 suất quà với tổng trị giá 41.237 triệu đồng. Trong đó: quà của Trung ương 29.674 suất, trị giá 9.310 triệu đồng; quà của tỉnh 7.474 suất, trị giá 4.044 triệu đồng; quà của huyện 10.697 suất, trị giá 5.180 triệu đồng; quà của xã, phường, thị trấn 23.236 suất, trị giá 4.780 triệu đồng; quà của các đơn vị, tổ chức cá nhân khác 39.704 suất, trị giá 17.924 triệu đồng. Theo kết quả khảo sát trên 4.000 doanh nghiệp của ngành

Lao động Thương binh và Xã hội tinh, doanh nghiệp có mức thưởng Tết cao nhất đạt 117,5 triệu đồng/người².

b) Hoạt động giáo dục và đào tạo

Trong kỳ, việc dạy và học trên địa bàn tỉnh tiếp tục bị ảnh hưởng do diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19; nhiều cơ sở giáo dục đã phải dừng dạy học trực tiếp, chuyển sang hình thức dạy học trực tuyến.

Sau kỳ nghỉ Tết nguyên đán, cơ bản các học sinh ở các bậc học trên địa bàn đã được quay trở lại học trực tiếp bình thường, trừ một số học sinh bị F0, F1 phải thực hiện cách ly và học theo hình thức trực tuyến. Tuy nhiên, đến giữa tháng, tình hình dịch bệnh có dấu hiệu phức tạp trở lại. Trước tình hình đó, để đảm bảo an toàn cho học sinh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo UBND các huyện, thành, thị, ngành Giáo dục và Đào tạo tổ chức dạy học trực tuyến đối với giáo dục tiểu học, trung học cơ sở từ ngày 21/02/2022 cho đến khi có thông báo mới; đối với Giáo dục mầm non, căn cứ tình hình dịch bệnh COVID-19 và điều kiện thực tế, phối hợp với phụ huynh để có phương án chăm sóc trẻ đảm bảo an toàn; đối với Giáo dục trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên, căn cứ tình hình dịch bệnh COVID-19 và điều kiện thực tế, để tổ chức dạy học trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến cho phù hợp.

c) Hoạt động văn hóa, thể thao³

Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, UBND tỉnh đã chỉ đạo các UBND huyện, thành, thị dừng tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao, các lễ hội, hoạt động bắn pháo hoa, các sự kiện có tập trung đông người trong dịp Tết Nguyên đán. Đối với các Lễ hội có nghi thức dâng hương gắn với di tích: thực hiện giảm quy mô phần lễ, chỉ cử đại diện chính quyền địa phương, Ban Quản lý di tích và đại diện cộng đồng tổ chức nghi thức dâng hương; không tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, trò chơi dân gian;... quá trình tổ chức phải đảm bảo các điều kiện về phòng chống dịch bệnh theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

Ngày 06/02/2022 (tức mùng 6 tháng Giêng năm Nhâm Dần), tại khu di tích lịch sử Đền Hùng, đồng chí Nguyễn Xuân Phúc - Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước đã tham dự và chỉ đạo Lễ phát động Tết trồng cây cấp Quốc gia “Đời đời nhớ ơn Bác Hồ” Xuân Nhâm Dần 2022. Tết trồng cây đã trở thành truyền thống tốt đẹp của dân tộc, khởi đầu cho các hành động trồng cây gây rừng, bảo

² Nguồn: Sở LĐTB&XH..

³ Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

vệ rừng, bảo vệ môi trường hằng năm của các cấp, các ngành và Nhân dân ta. Năm 2022, tỉnh Phú Thọ phân đầu trồng trên 1,9 triệu cây xanh phân tán trong các công trình công cộng, ven các tuyến đường giao thông, trong các cơ quan, đơn vị.

Phát huy truyền thống tốt đẹp “*Uống nước nhớ nguồn*”, “*Ăn quả nhớ người trồng cây*” các cấp, các ngành đã tổ chức dâng hương tại Đền Hùng và thắp hương tại nghĩa trang liệt sỹ. Đây là việc làm có ý nghĩa, giúp cho thế hệ trẻ luôn ghi nhớ công ơn của các Vua Hùng và các anh hùng liệt sỹ, từ đó có ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

d) Công tác y tế

Tính đến 07h00’ ngày 24/02/2022 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ ghi nhận 33.061 ca mắc COVID-19; có 15.052 bệnh nhân đã hồi phục, 31 ca đã tử vong⁴.

Toàn tỉnh Phú Thọ đã có 996.854 (98,6%) người \geq 18 tuổi đã được tiêm đủ 02 mũi vắc xin COVID-19; 477.993 (47,3%) người \geq 18 tuổi đã được tiêm mũi bổ sung/nhắc lại vắc xin COVID-19; 123.397 (96,7%) trẻ từ 12-17 tuổi được tiêm đủ hai mũi vắc xin⁵.

Tháng 01/2022, trên địa bàn tỉnh không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm nào; các đoàn kiểm tra liên ngành đã kiểm tra 1.340 cơ sở, trong đó 93,3% số cơ sở đạt tiêu chuẩn An toàn vệ sinh thực phẩm.

e) Tình hình trật tự, an toàn xã hội

Theo báo cáo của Ban An toàn giao thông tỉnh, trong 09 ngày nghỉ Tết Nguyên đán 2022 (từ ngày 10/02/2022-16/02/2022) trên địa bàn tỉnh xảy ra 1 vụ tai nạn giao thông đường bộ (giảm 2 vụ so với cùng kỳ năm trước) làm 2 người tử vong và 1 người bị thương.

Tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022 trên địa bàn tỉnh được đảm bảo. Tuy nhiên vẫn còn xảy ra tình trạng tàng trữ, đốt pháo nổ, trộm cắp tài sản, cụ thể: Từ ngày 31/01/2022 đến ngày 06/02/2022 lực lượng chức năng đã phát hiện và xử lý 3 vụ tàng trữ trái phép pháo, bắt giữ 3 đối tượng, thu giữ 4,4 kg pháo các loại; phát hiện và xử lý 4 vụ, bắt giữ 4 đối tượng sử dụng pháo trái phép; trong dịp Tết Nhâm Dần trên địa bàn tỉnh xảy ra 1 vụ trộm cắp tài sản, thiệt hại về tài sản trị giá 10 triệu đồng, bắt giữ 1 đối tượng.

⁴ Nguồn: Bản đồ cập nhật dịch bệnh Covid-19 tỉnh Phú Thọ.

⁵ Nguồn: Sở Y tế.

*Tình hình tai nạn giao thông*⁶: Từ ngày 15/01 đến ngày 14/02/2022, trên địa bàn tỉnh xảy ra 3 vụ tai nạn giao thông đường bộ làm 5 người chết và 2 người bị thương. Tính từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/02/2022, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 6 vụ tai nạn giao thông đường bộ và 1 vụ va chạm giao thông làm 9 người chết (*tăng 3 người so với cùng kỳ*) và 3 người bị thương (*giảm 2 người so với cùng kỳ*).

Từ ngày 15/01 đến ngày 14/02/2022, công an tỉnh đã lập biên bản xử lý 5.099 trường hợp vi phạm an toàn giao thông, tổng số tiền xử phạt trên 4,7 tỷ đồng. Tính từ ngày 15/12/2021 đến hết ngày 14/02/2022, Công an tỉnh đã lập biên bản xử lý 11.629 trường hợp, tổng số tiền xử phạt trên 9,7 tỷ đồng.

f) **Tình hình cháy nổ, vi phạm môi trường**

Tình hình cháy nổ: từ ngày 17/01/2022 đến ngày 16/02/2022, trên địa bàn tỉnh Phú Thọ xảy ra 1 vụ cháy (*huyện Yên Lập*), giá trị thiệt hại ước tính 100 triệu đồng. Tính từ ngày 17/12/2021 đến hết ngày 16/02/2022, xảy ra 2 vụ cháy, giá trị thiệt hại ước tính trên 100 triệu đồng (*1 vụ chưa xác định được giá trị thiệt hại*).

Vi phạm môi trường: từ ngày 17/01/2022 đến ngày 16/02/2022 lực lượng chức năng phát hiện và xử lý 48 vụ vi phạm môi trường, xử phạt 526,5 triệu đồng. Tính từ ngày 17/12/2021 đến hết ngày 16/02/2022, trên địa bàn tỉnh đã phát hiện 105 vụ vi phạm môi trường (*tăng 16 vụ so với cùng kỳ*), xử phạt 1.094,9 triệu đồng (*giảm 1.124,4 tỷ đồng*).

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội tháng 02 năm 2022 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ./.

Nơi nhận:

- TCTK (Vụ TKTH&PBTT);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- VP: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành, thị;
- CT, các PCT Cục Thống kê;
- Website Cục Thống kê;
- Lưu: VT, P.TKTH.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Hiền Minh

⁶ Nguồn: Ban An toàn giao thông tỉnh.

1. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 15 tháng 02 năm 2022

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Thu hoạch vụ Đông 2020-2021 (Ha)			
Ngô	6.659,3	7.108,3	106,7
Khoai lang	458,2	398,1	86,9
Rau xanh các loại	5.922,9	5.834,4	98,5
Đỗ đậu các loại	9,2	15,4	167,4
Đậu tương	30,1	13,8	45,9
Lạc	29,1	30,4	104,4
Gieo trồng vụ Chiêm Xuân 2022 (Ha)			
Lúa đã cấy	32.520,0	34.393,0	105,8
Ngô	3.202,1	3.741,4	116,8
Rau xanh các loại	3.398,1	2.976,2	87,6

2. Chỉ số sản xuất công nghiệp

Đơn vị tính: %

	Tháng 01/2022 so với cùng kỳ năm trước	Ước tính tháng 02/2022 so với tháng 01/2022	Ước tính tháng 02/2022 so với cùng kỳ năm trước	2 tháng năm 2022 so với cùng kỳ năm trước
TOÀN NGÀNH	109,01	77,34	108,65	108,85
B. Khai khoáng	110,29	61,72	82,54	97,75
07. Khai thác quặng kim loại	71,43	60,00	60,00	66,67
08. Khai khoáng khác	111,75	61,76	83,28	98,85
C. Công nghiệp chế biến, chế tạo	109,20	77,21	109,30	109,24
10. Sản xuất chế biến thực phẩm	86,11	93,47	110,20	96,28
11. Sản xuất đồ uống	69,24	21,16	90,32	72,18
13. Dệt	102,33	80,06	105,66	103,78
14. Sản xuất trang phục	104,75	73,03	106,76	105,59
15. Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	84,91	49,76	93,75	87,66
16. CB gỗ và SX SP từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế)	32,19	58,48	50,98	37,26
17. Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	115,16	92,46	108,26	111,73
18. In, sao chép bản ghi các loại	276,11	64,10	285,71	279,78
20. Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	102,13	97,44	102,16	102,14
22. Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	104,20	89,19	128,67	114,47
23. Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	98,88	63,35	260,94	130,25
25. Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ MMTB)	112,46	79,18	108,97	110,89
26. Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính,...	116,74	76,93	98,69	108,14
27. Sản xuất thiết bị điện	77,44	39,37	45,45	64,60
29. Sản xuất xe có động cơ	159,26	71,69	159,55	159,38
31. Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	135,72	45,73	130,23	133,95
33. Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	374,28	38,23	95,68	207,32
D. SX và PP điện, khí đốt, nước nóng ... và điều hòa KK	112,94	89,86	116,15	114,44
35. SX và PP điện, khí đốt, nước nóng ... và điều hoà KK	112,94	89,86	116,15	114,44
E. CC nước, HĐ quản lý và xử lý rác thải, nước thải	91,96	82,82	83,21	87,78
36. Khai thác, xử lý và cung cấp nước	109,88	90,97	114,16	111,88
38. HĐ thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	61,85	58,49	36,84	49,45

3. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 01/2022	Ước tính tháng 02/2022	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 02/2022	Tháng 02/2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 02/2022 so với cùng kỳ năm trước (%)
Giấy và bìa các loại	Tấn	21.558	19.932	41.489	108,3	111,7
Bia hơi, bia đóng lon	1000 Lít	2.666	797	3.463	92,2	76,7
Chè	Tấn	797	734	1.532	66,0	73,2
Phân Supe Photphat (P2O5)	Tấn	39.825	38.000	77.825	100,0	107,3
Phân NPK	Tấn	39.006	38.500	77.506	103,5	99,2
Cao lanh	Tấn	23.668	15.627	39.295	84,6	76,9
Xi măng	Tấn	116.522	87.577	204.099	115,7	93,4
Gạch lát	1000 M ²	3.450	1.980	5.430	...	167,3
Mỳ chính	Tấn	3.200	3.000	6.200	127,1	102,8
Dung lượng ắc quy	1000 Kwh	2	1	2	45,5	64,6
Vải thành phẩm	1000 M ²	5.113	4.000	9.113	100,3	102,8
Sợi toàn bộ	Tấn	1.185	980	2.165	115,2	105,6
Quần áo may sẵn	1000 Cái	13.955	10.460	24.414	101,2	100,7
Giày thể thao	1000 Đôi	537	267	805	93,8	87,7
Nước máy	1000 M ³	2.795	2.543	5.338	114,2	111,9
Sản phẩm bằng plastic	Tấn	12.668	11.253	23.921	127,8	112,4
Ống camera truyền hình; bộ chuyển đổi hình ảnh và bộ tăng cường hình ảnh; ống đèn âm cực quang điện khác	1000 chiếc	18.591	17.308	35.898	84,4	80,3

4. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Thực hiện tháng 01/2022	Ước tính tháng 02/2022	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 02/2022	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 02/2022 so với kế hoạch năm (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 02/2022 so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	333.372	310.998	644.370	17,5	107,6
Vốn NS Nhà nước cấp tỉnh	212.185	200.883	413.068	17,5	102,3
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	74.735	69.226	143.961	16,5	79,7
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	21.649	18.667	40.316	15,6	94,4
Vốn TW hỗ trợ ĐT theo MT	125.816	120.667	246.483	17,8	131,9
Vốn nước ngoài (ODA)	6.976	6.527	13.503	28,7	49,3
Xổ số kiến thiết	1.976	1.875	3.851	16,0	104,4
Vốn khác	2.682	2.588	5.270	15,7	103,5
Vốn NS Nhà nước cấp huyện	87.335	82.920	170.255	17,5	117,4
Vốn cân đối ngân sách huyện	30.245	28.116	58.361	17,4	117,3
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	19.316	18.332	37.648	16,4	104,0
Vốn tỉnh hỗ trợ ĐT theo MT	52.375	50.117	102.492	17,4	116,9
Vốn khác	4.715	4.687	9.402	20,1	122,9
Vốn NS Nhà nước cấp xã	33.852	27.195	61.047	16,8	122,2
Vốn cân đối ngân sách xã	18.705	15.552	34.257	16,3	124,6
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	15.031	12.366	27.397	17,5	123,5
Vốn huyện hỗ trợ ĐT theo MT	12.265	8.877	21.142	17,6	120,7
Vốn khác	2.882	2.766	5.648	17,5	114,0

5. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Thực hiện tháng 01/2022	Ước tính tháng 02/2022	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 02/2022	Tháng 02/2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 02/2022 so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	3.356.865	3.198.283	6.555.148	105,3	105,9
Phân theo ngành kinh doanh					
Bán lẻ	2.932.666	2.764.828	5.697.494	105,4	106,9
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	176.315	184.804	361.119	102,8	96,4
Dịch vụ và du lịch	247.884	248.651	496.536	106,4	102,2

6. Doanh thu bán lẻ hàng hoá

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Thực hiện tháng 01/2022	Ước tính tháng 02/2022	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 02/2022	Tháng 02/2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 02/2022 so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	2.932.666	2.764.828	5.697.494	105,4	106,9
Lương thực, thực phẩm	992.532	940.861	1.933.393	106,6	110,6
Hàng may mặc	245.456	235.656	481.111	113,6	113,0
Đồ dùng, dụng cụ,... gia đình	244.949	208.271	453.219	115,7	111,9
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	22.256	22.477	44.733	113,1	104,8
Gỗ và vật liệu xây dựng	282.515	258.085	540.600	114,3	109,2
Ô tô các loại	32.903	30.855	63.758	99,9	98,4
Phương tiện đi lại (trừ ô tô con,...)	512.474	480.925	993.400	92,3	95,8
Xăng, dầu các loại	393.433	389.122	782.554	104,1	104,9
Nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu)	57.897	56.850	114.747	108,8	111,0
Đá quý, kim loại quý,...	27.863	28.637	56.500	111,3	107,0
Hàng hóa khác	62.095	57.363	119.458	114,9	110,2
SC xe có động cơ, mô tô,...	58.292	55.728	114.020	103,9	109,1

7. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ khác

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Thực hiện tháng 01/2022	Ước tính tháng 02/2022	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 02/2022	Tháng 02/2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 02/2022 so với cùng kỳ năm trước (%)
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	176.315	184.804	361.119	102,8	96,4
Dịch vụ lưu trú	17.984	18.645	36.629	110,2	103,5
Dịch vụ ăn uống	158.332	166.158	324.490	102,0	95,7
Dịch vụ lữ hành	65	82	147	15,4	10,0
Dịch vụ khác	247.819	248.569	496.388	106,6	102,5

8. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ

Đơn vị tính: %

	Chỉ số giá tháng 02/2022 so với				Chỉ số giá bình quân 2 tháng năm 2022 so với cùng kỳ năm trước
	Kỳ gốc 2019	Cùng kỳ năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	104,95	100,83	100,76	100,57	101,02
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	108,93	96,91	101,40	100,95	97,26
Trong đó:					
<i>Lương thực</i>	109,76	103,73	101,89	101,23	103,88
Thực phẩm	109,12	95,46	101,62	101,25	95,50
Ăn uống ngoài gia đình	107,59	98,09	100,18	99,59	99,87
Đồ uống và thuốc lá	107,23	101,50	100,24	99,06	102,46
May mặc, mũ nón, giày dép	104,04	100,48	100,08	99,71	100,51
Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	104,48	100,40	99,90	100,56	101,25
Thiết bị và đồ dùng gia đình	101,21	100,88	99,86	100,12	100,60
Thuốc và dịch vụ y tế	103,41	100,88	100,10	100,05	100,89
Trong đó: Dịch vụ y tế	102,32	100,00	100,00	100,00	100,00
Giao thông	108,12	115,37	103,39	102,32	114,82
Bưu chính viễn thông	98,04	99,77	100,00	100,00	99,77
Giáo dục	102,55	100,61	100,13	100,06	100,58
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	101,66	100,00	100,00	100,00	100,00
Văn hoá, giải trí và du lịch	94,40	97,67	100,10	100,04	97,56
Hàng hoá và dịch vụ khác	104,67	101,00	100,40	100,10	101,12
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	138,25	98,43	104,25	102,53	96,73
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	101,46	99,96	99,75	100,21	100,30

9. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Ước tính tháng 02/2022	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 02/2022	Tháng 02/2022 so tháng trước (%)	Tháng 02/2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 02/2022 so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	446.677	887.878	101,2	112,9	106,4
Vận tải hành khách	60.588	120.474	101,2	115,1	103,2
Đường thủy nội địa	760	1.515	100,7	115,6	100,3
Đường bộ	59.827	118.959	101,2	115,1	103,3
Vận tải hàng hóa	341.399	678.519	101,3	113,1	107,1
Đường thủy nội địa	88.076	174.496	101,9	114,4	108,1
Đường bộ	253.323	504.024	101,0	112,6	106,8
Dịch vụ hỗ trợ vận tải	44.690	88.885	101,1	108,6	105,7

10. Vận tải hành khách và hàng hóa của địa phương

	Ước tính tháng 02/2022	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 02/2022	Tháng 02/2022 so tháng trước (%)	Tháng 02/2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến hết tháng 02/2022 so với cùng kỳ năm trước (%)
A. HÀNH KHÁCH					
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	1.292	2.571	101,0	113,4	101,7
Đường thủy nội địa	105	209	100,7	114,8	100,7
Đường bộ	1.187	2.362	101,1	113,3	101,8
II. Luân chuyển (Nghìn lượt HK.Km)	79.424	158.104	100,9	114,9	102,9
Đường thủy nội địa	127	254	100,7	114,2	99,7
Đường bộ	79.297	157.850	100,9	114,9	102,9
B. HÀNG HÓA					
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	3.606	7.166	101,3	111,2	105,7
Đường thủy nội địa	1.305	2.585	101,9	112,1	106,4
Đường bộ	2.301	4.580	101,0	110,6	105,3
II. Luân chuyển (Nghìn tấn.km)	396.858	787.961	101,5	111,8	106,3
Đường thủy nội địa	214.000	424.110	101,9	112,4	106,8
Đường bộ	182.857	363.851	101,0	111,1	105,6

11. Trật tự, an toàn xã hội

	Sơ bộ kỳ tháng 02/2022	Cộng dồn từ kỳ tháng 01 đến hết kỳ tháng 02/2022	Kỳ tháng 02/2022 so với kỳ trước (%)	Kỳ tháng 02/2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ kỳ tháng 01 đến hết kỳ tháng 02/2022 so với cùng kỳ năm trước (%)
Tai nạn giao thông (Kỳ báo cáo tính từ ngày 15 tháng trước tháng báo cáo đến ngày 14 tháng báo cáo)					
Số vụ tai nạn, va chạm giao thông (Vụ)	3	7	75,0	100,0	77,8
Đường bộ	3	7	75,0	100,0	77,8
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
Số người chết (Người)	5	9	125,0	250,0	150,0
Đường bộ	5	9	125,0	250,0	150,0
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
Số người bị thương (Người)	2	3	200,0	200,0	60,0
Đường bộ	2	3	200,0	200,0	60,0
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
Cháy, nổ (Kỳ báo cáo tính từ ngày 17 tháng trước tháng báo cáo đến ngày 16 tháng báo cáo)					
Số vụ cháy, nổ (Vụ)	1	2	-	50,0	28,6
Số người chết (Người)	-	-	-	-	-
Số người bị thương (Người)	-	-	-	-	-
Tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính (Triệu đồng)	100	...	-	14,3	...